

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 - AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 116/2025/DS-ST
Ngày: 16 - 9 - 2025
V/v “tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phí Thị Phương Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thanh Vân, ông Võ Thanh Tân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 9 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 9 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Minh Châu, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 9 - An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 475/2025/TLST-DS, ngày 25 tháng 6 năm 2025 về “tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 184/2025/QĐST-DS ngày 27 tháng 8 năm 2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng H; địa chỉ trụ sở: tầng D, tòa nhà N, đường H, phường Y, thành phố Hà Nội.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Ông Nguyễn Quốc C; Chức vụ - Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng H, là đại diện theo pháp luật.

- Bà Nguyễn Thị Hoàng M, chức vụ: Cán bộ tín dụng Ngân hàng H - Chi nhánh A; địa chỉ: số A H, khóm G, phường L, tỉnh An Giang là người đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 11/GUQ-CNAG ngày 31-3-2025.

2. Bị đơn: Ông Dương Bửu T, sinh năm 1964 và bà Trần Thị Thanh T1, sinh năm 1967; cùng địa chỉ: số A, tổ D, khóm M, phường L, tỉnh An Giang.

(Bà M vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; ông T, bà T1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 06-8-2015, Ngân hàng H - Chi nhánh A (sau đây được viết tắt là Ngân hàng) với ông Dương Bửu T có ký kết Hợp đồng tín dụng số TD32900014,

mục đích vay: phục vụ nhu cầu đời sống. Theo đó, Ngân hàng cho ông T vay số tiền 170.000.000 đồng; thời hạn vay 60 tháng (từ ngày 06-8-2015 đến ngày 06-8-2020), lãi suất cho vay 12%/năm; số tiền cho vay được trả thành 60 kỳ, trả nợ gốc và lãi vào ngày 10 của mỗi tháng, số tiền gốc mỗi kỳ hạn là 2.840.000 đồng; số tiền gốc kỳ hạn cuối cùng là 2.440.000 đồng. Bà Trần Thị Thanh T1 là vợ của ông T và có cùng ký tên vào Đơn xin vay và cam kết trả nợ ngày 30-7-2015. Ngân hàng đã giải ngân cho ông T, bà T1 nhận đủ số tiền vay 170.000.000 đồng vào ngày 06-8-2015. Ngân hàng cho ông T, bà T1 vay theo hình thức vay tín chấp, không có thế chấp tài sản.

Sau khi vay, ông T, bà T1 đã trả được số tiền 92.532.200 đồng (trả gốc 63.521.000 đồng, trả lãi 29.011.200 đồng); sau đó, ngưng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng theo thỏa thuận mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ, nhắc nhở.

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu ông T, bà T1 thanh toán tổng số tiền gốc, lãi 238.938.467 đồng, trong đó tiền gốc là 106.479.000 đồng, tiền lãi là 132.459.467 đồng và tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất Ngân hàng quy định cho đến khi thanh toán dứt điểm nợ vay cho Ngân hàng.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: hợp đồng tín dụng số TD32900014 ngày 06-8-2015, đơn xin vay và cam kết trả nợ (Dùng cho vay cán bộ công nhân viên) ngày 30-7-2015, giấy chứng minh nhân dân Dương Bửu T (tất cả đều bản sao) cùng các tài liệu, giấy tờ khác có liên quan trong hồ sơ vụ án.

- Bị đơn ông Dương Bửu T, bà Trần Thị Thanh T1 đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa công bố các tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình chuẩn bị xét xử, bảng kê tính lãi đến ngày 16-9-2025 của nguyên đơn. Theo đó, đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc ông T, bà T1 trả số tiền tính đến ngày 16-9-2025 là 243.382.930 đồng, trong đó: nợ gốc 106.479.000 đồng, nợ lãi 136.903.930 đồng và tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số TD32900014 ngày 06-8-2015.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố

tụng dân sự, vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông T, bà T1.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Dương Bửu T, bà Trần Thị Thanh T1 có trách nhiệm trả nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và tiếp tục trả lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ. Buộc bị đơn chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vốn, lãi theo hợp đồng tín dụng. Bị đơn không có đăng ký kinh doanh, vay tiền với mục đích tiêu dùng nên đây là vụ án dân sự về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Ông T, bà T1 đang cư trú trên địa bàn thành phố L, tỉnh An Giang nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 9 - An Giang) theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Trước khi phiên tòa được mở, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[3] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng tín dụng:

Ngày 30-7-2015, ông T, bà T1 có Đơn xin vay và cam kết trả nợ. Ngày 06-8-2015, Ngân hàng với ông T xác lập Hợp đồng cấp tín dụng số TD32900014. Xét, hợp đồng được ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng phù hợp với quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 100 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024 nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng được ký kết.

Về thực hiện hợp đồng, trên cơ sở Hợp đồng tín dụng số TD32900014 ngày 06-8-2015, ông T, bà T1 được Ngân hàng giải ngân số tiền 170.000.000 đồng. Sau khi vay, ông T, bà T1 đã trả cho Ngân hàng được số tiền 92.532.200 đồng, trong đó, trả gốc 63.521.000 đồng, trả lãi 29.011.200 đồng.

Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã ban hành Thông báo số 52/2025/TB-TA ngày 10-7-2025 về việc yêu cầu ông T, bà T1 cung cấp lời khai và giao nộp bổ sung tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông T, bà T1 không thực hiện nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

[4] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Do ông T, bà T1 vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T, bà T1 trả nợ là phù hợp với nội dung hợp đồng tín dụng đã ký kết, quy

định tại các Điều 466, 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024.

Vì vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc ông T, bà T1 trả cho Ngân hàng số tiền 243.382.930 đồng, trong đó: nợ gốc 106.479.000 đồng, nợ lãi 136.903.930 đồng và tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cấp tín dụng số TD32900014 ngày 06-8-2015.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với nghĩa vụ phải thực hiện.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Các Điều 463, 466 và Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Các Điều 100, 103 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2024;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng H đối với ông Dương Bửu T và bà Trần Thị Thanh T1 về việc trả số tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn.

Buộc ông Dương Bửu T và bà Trần Thị Thanh T1 trả cho Ngân hàng H số tiền tổng cộng vốn, lãi tính đến ngày 16-9-2025 là 243.382.930 đồng (Hai trăm bốn mươi ba triệu, ba trăm tám mươi hai nghìn, chín trăm ba mươi đồng), trong đó: nợ gốc 106.479.000 đồng (Một trăm lẻ sáu triệu, bốn trăm bảy mươi chín nghìn đồng), nợ lãi 136.903.930 đồng (Một trăm ba mươi sáu triệu, chín trăm lẻ ba nghìn, chín trăm ba mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 16-9-2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh của số tiền còn phải thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cấp tín dụng số TD32900014 ngày 06-8-2015. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục

thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ngân hàng H được nhận lại 5.973.000 đồng (Năm triệu, chín trăm bảy mươi ba nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0003132 ngày 23 tháng 6 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, tỉnh An (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 - Thi hành án dân sự tỉnh An Giang).

Ông Dương Bửu T và bà Trần Thị Thanh T1 phải chịu 12.169.147 đồng (Mười hai triệu, một trăm sáu mươi chín nghìn, một trăm bốn mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tham gia phiên toà có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND Khu vực 9 - An Giang;
- Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 9 - Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phí Thị Phương Nhung